

Số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Nguyễn Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/8/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Nguyễn Thị Diễm P, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bị đơn: Lê Hữu T, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị P có mặt tại phiên tòa. Anh T vắng mặt tại phiên tòa (lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm P trình bày:

Chị P và anh T quen biết nhau từ năm 2012, sau đó chị P và anh T đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Cuộc sống vợ chồng thường gian đầu cũng rất hạnh phúc tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy cãi nhau về chuyện tiền bạc, tình

cảm và vợ chồng đã ly thân từ ngày 22/10/2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Hữu T.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị P và anh T có 01 người con chung tên là Lê Hữu N (sinh ngày 25/9/2013). Hiện nay, cháu N đang sống với chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Lê Hữu T vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng. Riêng bị đơn anh Lê Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia phiên tòa là thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Ngoài các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của đương sự, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc chị Nguyễn Thị Diễm P khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự và bị đơn anh Lê Hữu T hiện nay đang trú tại xã P, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T biết về nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị P, nhưng đến nay anh T không có mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu trên. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị P có đơn xin ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi con chung, tài sản chung không có, nợ chung không có nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Chị P và anh T tìm hiểu quen biết nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã P. Do đó hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng rất hạnh phúc tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc, tình cảm và vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2018 đến nay vẫn không tự hàn gắn lại được. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã nhiều lần động viên nhưng chị P vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T.

Mặt khác, từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T biết nhưng anh T không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến. Điều đó chứng minh anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị P.

Xét thấy hôn nhân của vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị P là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị P và anh T có 01 người con chung tên là Lê Hữu N (sinh ngày 25/9/2013). Hiện nay, cháu N đang sống với chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T không có ý kiến, tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt. Xét thấy từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu N đang sống với chị P. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu N, căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu N cho chị P nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Tóm lại, từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Diễm P được ly hôn với anh Lê Hữu T.

2/ Về con chung: Giao cháu **Lê Hữu N (sinh ngày 25/9/2013)** cho chị Nguyễn Thị Diễm P nuôi dưỡng. Anh Lê Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị P không có yêu cầu).

Anh Lê Hữu T được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu Lê Hữu N, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Diễm P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai số BH/2018/0005556, quyền số 0000112 ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang